

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2 - ĐÀ NẴNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 86/2025/DS-ST
Ngày 04 tháng 8 năm 2025
V/v "Tranh chấp đòi tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - ĐÀ NẴNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thuý Hằng

- Các hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Ngọc Lý

Ông Nguyễn Kim Thành

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Hà - Cán bộ Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Đà Nẵng: Bà Phạm Thị Thùy Dương - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 04 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 136/2025/TLST-DS ngày 26 tháng 5 năm 2025, về việc: "Tranh chấp đòi tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 136/2025/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 7 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số: 32/2025/QĐST-DS ngày 29 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty T2 (S), địa chỉ: Tòa nhà G, số E L, phường H, Thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Bà Khlon O - chức vụ: Tổng giám đốc. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Văn T, sinh năm: 2000, địa chỉ: A B, khối T, phường H, Thành phố Đà Nẵng (Theo giấy ủy quyền số 0689/2024/UQ-SHB FC ngày 13/11/2024 của Giám đốc Công ty T2 và Hợp đồng ủy quyền số 84/2025/UQ-TT ngày 25/4/2025 của Giám đốc Công ty L). (Vắng mặt)

- Bị đơn: Ông Lê Công Hoàng T1, sinh năm: 1986, địa chỉ số: tổ C, phường S (phường M cũ), Thành phố Đà Nẵng. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện và quá trình tố tụng tại Tòa án, đại diện Công ty T2 (S) trình bày:

Ngày 31/10/2018, ông Lê Công Hoàng T1 có ký với Công ty T2 (S) Hợp đồng tín dụng số 111811060118394 trong đó bao gồm: Đề nghị vay vốn kèm hợp đồng cho vay ngày 31/10/2018 và Bản Điều khoản điều kiện đi kèm Hợp đồng cho vay. Công ty T2 đồng ý cho ông Lê Công Hoàng T1 vay số tiền 40.000.000 đồng; thời hạn vay 24 tháng; mục đích là vay tiêu dùng cá nhân theo hình thức trả góp hằng tháng với lãi suất 4.16%/tháng tương đương lãi suất 50%/năm. Theo thỏa thuận trong hợp đồng ông T1 có trách nhiệm thanh toán gốc là lãi trong vòng 24 tháng với số tiền 2.827.000 đồng vào trước hoặc đúng ngày đầu tháng cho đến khi kết thúc hợp đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, đến tháng 12 năm 2020 ông Lê Công Hoàng T1 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Hợp đồng tín dụng đã ký. Công ty T2 đã nhiều lần liên hệ làm việc và tạo điều kiện để ông Lê Công Hoàng T1 thanh toán. Tuy nhiên, ông Lê Công Hoàng T1 chưa có thiện chí thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Công ty T2. Do đó, Công ty T2 quyết định khởi kiện ông Lê Công Hoàng T1 ra Tòa án và yêu cầu ông Lê Công Hoàng T1 thanh toán tổng số tiền gốc và lãi. Nay Công ty rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc tính lãi, chỉ yêu cầu Tòa án buộc ông Lê Công Hoàng T1 thanh toán số tiền gốc là 35.093.058 đồng.

- Bị đơn ông Lê Công Hoàng T1 đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự nhưng vẫn vắng mặt lần thứ hai không có lý do, không có ý kiến.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Đà Nẵng:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã tuân theo đúng pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử. Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Thư ký đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại khoản 5 Điều 51 Bộ luật tố tụng dân sự.

Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến thời điểm mở phiên tòa, người tham gia tố tụng là nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt trong suốt quá trình chuẩn bị xét xử và tại các phiên tòa là chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ đối với bị đơn theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự nên phải chịu hậu quả pháp lý của việc không chấp hành quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Xét thấy yêu cầu khởi kiện của Công ty T2 (S) về việc đòi số tiền gốc 35.093.058 đồng là có cơ sở, phù hợp với quy định của pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 166 Bộ luật dân sự chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty, buộc ông Lê Công Hoàng T1 trả cho Công ty T2 (S) số tiền nợ gốc 35.093.058 đồng; Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty đối với số tiền lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc “*Tranh chấp đòi tài sản*” là tranh chấp về dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Đà Nẵng theo quy định tại khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn ông Lê Công Hoàng T1 cư trú tại phường S, Thành phố Đà Nẵng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Đà Nẵng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3]. Nguyên đơn Công ty T2 (S) có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn ông Lê Công Hoàng T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do nên Hội đồng xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Căn cứ Hợp đồng cho vay số 111811060118394 ngày 31/10/2018, Bản điều khoản điều kiện đi kèm hợp đồng cho vay, cam kết nhận khoản vay và yêu cầu giải ngân, lịch trả nợ, lịch sử thanh toán, lời khai của đại diện nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì đủ cơ sở xác định ông Lê Công Hoàng T1 có vay của Công ty T2 (S) số tiền 40.000.000 đồng, mục đích thuê mua phương tiện đi lại, loại hình vay tín chấp không có tài sản bảo đảm, lãi suất trong hạn áp dụng 50%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, lãi suất chậm trả trên lãi quá hạn 10%/năm, số kỳ thanh toán chia làm 24 kỳ vào ngày 06 hàng tháng, số tiền thanh toán mỗi kỳ là 2.827.000 đồng, kỳ đầu tiên vào ngày 06/12/2018, kỳ cuối cùng thanh toán số tiền 2.827.000 đồng vào ngày 06/12/2020. Xét thấy rằng việc ký kết hợp đồng giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện, hình thức và nội dung hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật nên có giá trị pháp lý làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên được điều chỉnh theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng và các quy định của pháp luật liên quan.

[2.2]. Ông Lê Công Hoàng T1 đã được Công ty giải ngân số tiền 40.000.000 đồng vào ngày 06/11/2018. Từ khi vay cho đến nay, ông Lê Công Hoàng T1 đã thanh toán được 06 kỳ với số tiền 17.355.500 đồng, trong đó trả gốc 7.106.942 đồng, trả lãi 9.791.141 đồng, tiền lãi chậm trả 457.417 đồng. Kể từ ngày 06/6/2019 ông Lê Công Hoàng T1 bắt đầu vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Việc ông Lê Công Hoàng T1 không thực hiện nghĩa vụ thanh toán đúng hạn vi phạm cam kết thanh toán tại Điều 1 của Bản điều khoản cơ bản của hợp đồng cho vay do đó nay Công ty khởi kiện yêu cầu trả số tiền nợ gốc 35.093.058 đồng là có căn cứ theo quy định tại Hợp đồng

và Luật các tổ chức tín dụng, Điều 166 Bộ luật Dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3] Nguyên đơn Công ty T2 (S) rút một phần yêu cầu đòi với số tiền lãi. Xét thấy, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện, phù hợp với quy định tại điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí tranh chấp dân sự có giá ngạch trên số tiền phải trả là 35.093.058 đồng x 5% = 1.754.652 đồng, nguyên đơn không chịu án phí, hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[4]. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

[5]. Đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Đà Nẵng phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 166 Bộ luật Dân sự;
- Khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 217, Điều 238, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty T2 (S) đối với ông Lê Công Hoàng T1 đối với số tiền lãi.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện về việc “*Tranh chấp đòi tài sản*” của Công ty T2 (S) đối với ông Lê Công Hoàng T1.

Buộc ông Lê Công Hoàng T1 phải trả cho Công ty T2 (S) số tiền 35.093.058đ (Ba mươi lăm triệu, không trăm chín mươi ba nghìn, không trăm năm mươi tám đồng).

Kể từ ngày người có quyền có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lê Công Hoàng T1 phải chịu 1.754.652đ (Một triệu, bảy trăm năm mươi bốn nghìn, sáu trăm năm mươi hai đồng).

Hoàn trả cho Công ty T2 (S) số tiền tạm ứng án phí 4.711.025đ (Bốn triệu, bảy trăm mười một nghìn, không trăm hai mươi lăm đồng) Công ty T2 (S) đã nộp theo biên lai thu số 0008018 ngày 23/5/2025 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng (Nay là Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng).

4. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Đà Nẵng;
- THADS Thành phố Đà Nẵng;
- Tòa án nhân dân Thành phố Đà Nẵng;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thúy Hằng

